

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-PT
Ngày 23 – 02 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Trần Bình Đào

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hà T, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Kim T: Luật sư Nguyễn Thế S – Văn phòng Luật sư Song Lý thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Kim T – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hà T trình bày: Bà bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Kim T. Đến tháng 3/2014 còn nợ số tiền 260.000.000 đồng; tháng 6/2016 ông C, bà Kim T tiếp tục mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nợ thêm số tiền 156.869.000 đồng và đến tháng 9/2016 ông C, bà Kim T mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nợ thêm số tiền 34.406.000 đồng, tháng 3/2017 ông C, bà Kim T mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật và nợ số tiền 31.421.000 đồng. Tổng cộng ông C, bà Kim T nợ 482.696.000 đồng. Đến ngày 10/3/2015 ông C, bà Kim T trả 18.000.000 đồng; ngày 04/9/2015 trả 55.000.000 đồng; ngày 10/10/2015 ông C, bà Kim T trả 79.000.000 đồng. Ông C, bà Kim T còn nợ số tiền 403.196.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà Kim T trả số tiền gốc còn nợ là 403.196.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 10/10/2015 cho đến ngày ông C, bà Kim T trả dứt nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Hà T yêu cầu vợ chồng ông C trả cho bà số tiền gốc là 403.196.000 đồng và tiền lãi từ ngày hòa giải tại ấp Nguyễn Văn Thới đến nay theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn C, bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản án sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hà T đối với ông Trần Văn C và bà Nguyễn Kim T. Buộc ông C, bà Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Hà T tổng cộng là 545.302.000 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng). Trong đó, vốn gốc là 403.196.000 đồng, tiền lãi 142.106.000 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 bị đơn bà Nguyễn Kim T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa khách quan thuyết phục.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Kim T vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo và bà Kim T cung cấp vi bằng về lời khai của ông C trình bày vợ chồng ông không còn thiếu nợ bà Hà T nhưng bà Kim T thừa nhận chữ ký ghi họ tên trong giấy xác nhận nợ là của ông C. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Kim T cho rằng: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ vì ông C và bà Kim T đã trả hết nợ cho bà Hà T, Tòa án cấp sơ thẩm tính thời hiệu căn cứ vào Điều 162 của Bộ luật dân sự 2005 là không đúng quy định; phương thức tính lãi suất không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác

đơn khởi kiện của nguyên đơn nếu cấp phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm có nhiều sai sót không thể sửa bản án sơ thẩm thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Hà T không đồng ý đơn kháng cáo của bị đơn bà Kim T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì bà Kim T yêu cầu bị đơn trả cho bà đủ số tiền nợ gốc 403.196.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Kim T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không tính lãi, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc 403.196.000 đồng và sửa tiền án phí.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông C là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hà T không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn ông C, bà Kim T trả tiền gốc 403.196.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về thời hiệu khởi kiện: Giữa ông C với bà Hà T xác nhận nợ vào ngày 10/3/2017 (bút lục số 33), nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 30/11/2018 nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa khách quan, thuyết phục. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, nguyên đơn bà Lê Thị Hà T với bị đơn ông Trần Văn C có giao dịch mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhiều lần từ tháng 3/2014 đến tháng 3/2017 có các chứng từ thể hiện (bút lục từ số 35 đến 53) và ông C đã ký nhận nợ còn thiếu 403.196.000 đồng (bút lục số 33) và tại phiên tòa phúc thẩm phía bà Kim T thừa nhận đó là chữ ký của ông C. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bà Kim T cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên kháng cáo của bà Kim T không có cơ sở để Hội đồng phúc thẩm xem xét lại phần nội dung vụ án. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông C với bà Kim T trả nợ gốc 403.196.000 đồng cho bà Hà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần nội dung kháng

cáo của bị đơn bà Kim T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Hà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 12.890.000 đồng (theo biên lai thu số 0001111 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 403.196.000 đồng (20.000.000 đồng + 127.840 đồng) = 20.127.840 đồng.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Kim T không phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 429; khoản 2 Điều 468, khoản 3 Điều 440 Bộ Luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2020/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hà T đối với ông Trần Văn C và bà Nguyễn Kim T. Buộc ông C, bà Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Hà T tổng cộng là 403.196.000 đồng đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận hoặc theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Hà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 12.890.000 đồng (mười hai triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001111 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 20.127.840 (hai mươi triệu một trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Kim T không phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số

0005657 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên